

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SƠN LA
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2018/DS-ST

Ngày: 23/11/2018

V/v: Tranh chấp HĐ vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Duy Khương; ông Lù Văn Quý;

- Th- ký phiên tòa: Bà Cà Thị Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 67/2018/TLST- DS ngày 28 tháng 9 năm 2018, V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 67/2018/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

I. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Trọng C; Địa chỉ số nhà 86, tổ 9, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La, tỉnh Sơn La, có mặt.

II. Đồng bị đơn: Chị Cẩm Thị T, anh Quảng Văn H; Địa chỉ: bản Hải, phường C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La, chị T có mặt, anh H vắng mặt tại phiên tòa (*lý do vắng là anh đã ủy quyền cho chị T tham gia phiên tòa*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 9 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Trọng C trình bày: Ngày 24 tháng 6 năm 2015, tôi cho chị Cẩm Thị T vay số tiền là 76.000.000 đồng, ngày 15/8/2016 chị T vay tiếp 60.000.000 đồng, ngày 25/01/2017 chị T vay tiếp 30.000.000 đồng, tổng cộng ba lần chúng tôi chót nợ là 165.000.000 đồng, lãi xuất do hai bên thỏa thuận, giấy vay tiền đều do chị Cẩm Thị T trực tiếp ký kết với tôi. Song do chị T không thanh toán đúng hạn theo hợp đồng đã ký. Mặc dù tôi đã đi đòi nhiều lần nhưng chị T nhất là không trả, tổng tiền gốc và lãi chị T còn nợ tôi là 165.000.000

đồng. Nay tôi đề nghị Tòa án giải quyết để chị T và anh H (*chồng chị T*) có trách nhiệm trả đủ cho tôi số nợ như trên.

Tại bản tự khai và tại phiên tòa, đồng bị đơn cùng có ý kiến: Việc tôi có vay nợ tiền anh C đúng như anh C đã trình bày. Do gặp khó khăn trong làm ăn nên đến nay chị còn nợ anh Nguyễn Trọng C số tiền là 166.000.000 đồng mà chưa có khả năng trả được. Tôi nhất trí trả nợ cho anh C số tiền nêu trên, xin được thanh toán dần vì nay tôi còn nợ rất nhiều người khác.

Anh Quàng Văn H (*là chồng của chị T*) xác nhận bằng văn bản tự khai với nội dung: Việc vợ anh là chị Cẩm Thị T có vay mượn tiền của anh C anh không biết, hai vợ chồng không hề bàn bạc gì với nhau, chị T vay tiền không phải vì mục đích để chi chung cho gia đình. Anh H không ký giấy vay tiền cũng như không ủy quyền gì cho ai về việc cho anh C cầm thẻ lương của tôi để trừ dần vào nợ mà do vợ tôi tự ý đưa cho anh C. Nay anh H có ý kiến bằng văn bản xác định không liên quan gì đến việc nợ tiền của anh C, vợ tôi vay tiền anh C thì vợ tôi có trách nhiệm trả anh C.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, hòa giải theo pháp luật, anh Nguyễn Trọng C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết để chị Cẩm Thị T và anh Quàng Văn H cùng có trách nhiệm trả cho anh tổng số tiền là 165.000.000 đồng, bị đơn chị T nhất trí việc chị nợ anh C số tiền là 165.000.000 đồng là đúng thực tế, mục đích chị vay tiền để làm ăn cá nhân, song do thua lỗ nên chị xin đề nghị được trả dần cho anh C, chị T giữ nguyên ý kiến chỉ một mình chị có nợ anh C, chị chưa nhận ủy quyền từ anh H về việc chuyển thẻ lương của anh H cho anh C để trừ nợ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử Nghị án là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn chị Cẩm Thị T phải trả cho anh Nguyễn Trọng C số tiền còn nợ là 165.000.000 đồng.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, đề nghị tuyên trả lại tạm ứng án phí cho nguyên đơn; Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ-ợc xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Ngày 24 tháng 6 năm 2015, anh C cho chị Cẩm Thị T vay số tiền là 76.000.000 đồng, ngày 15/8/2016 chị T vay tiếp 60.000.000 đồng, ngày 25/01/2017 chị T vay tiếp 30.000.000 đồng, tổng cộng

ba lần là 165.000.000 đồng, lãi xuất do hai bên thỏa thuận. Hai bên có làm giấy vay mượn tiền với nhau, song do chị T không thực hiện đúng theo thỏa thuận, không trả lãi và gốc như giao kết trong hợp đồng, nên anh Chính khởi kiện chị T tại Tòa án. Xác định đây là vụ án Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại các điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án nêu trên trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Sự kiện pháp lý xảy ra năm 2015, 2016 và 2017, nên cần áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Về nội dung vụ án:

Trong vụ án này, việc hai bên đương sự ký hợp đồng vay tài sản với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc và lừa dối, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Tại thời điểm giao kết hợp đồng, các bên đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. Hiện nay chị Cẩm Thị T còn nợ anh Nguyễn Trọng C số tiền là 165.000.000 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ. Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản của nguyên đơn đối với bị đơn. Chấp nhận bị đơn chị Cẩm Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh Nguyễn Trọng C tổng số tiền là 165.000.000 đồng.

Đối với việc nguyên đơn anh Nguyễn Trọng C đề nghị Tòa buộc anh Quảng Văn H (*chồng chị T*) phải có nghĩa vụ trả nợ cùng, xét văn bản Ủy quyền ngày 15/8/2016 giữa anh Quảng Văn H và anh Nguyễn Trọng C là không có căn cứ chấp nhận bởi lẽ: văn bản ủy quyền không có sự công chứng chứng thực hợp lệ. Mặt khác tại bản tự khai ngày tháng năm 2018, anh Hùng xác nhận việc vay nợ tiền giữa chị T và anh C thì anh H không biết, hợp đồng vay tiền không có chữ ký xác nhận của anh Quảng Văn H, chị T vay vì mục đích khác không vì mục đích sinh hoạt cho gia đình, anh H không ủy quyền cho anh C trừ tiền nợ của anh qua thẻ lương. Cần bác yêu cầu của anh Nguyễn Trọng C về việc buộc anh Quảng Văn H có trách nhiệm trả nợ cho anh C.

[4] Về án phí: Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 280, 357, 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 35, khoản 1 Điều 147, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản của nguyên đơn anh Nguyễn Trọng C đối với bị đơn chị Cẩm Thị T.

2. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Cẩm Thị T thanh toán cho anh Nguyễn Trọng C tổng số tiền còn nợ là 165.000.000 đồng;

3. Về án phí: Anh Nguyễn Trọng C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả anh Nguyễn Trọng C 4.150.000 đồng (*Bốn triệu một trăm năm mươi ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016 0001626 ngày 28 tháng 9 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Buộc chị Cẩm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.250.000 đồng (*tám triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*).

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Quảng Văn H vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự ”./.

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND TP Sơn La;
- CCTHADS TP Sơn La;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ; án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Hương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Hương

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND TP Sơn La;
- CCTHADS TP Sơn La;
- Các đ-ơng sự;
- L- u hồ sơ; án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Hương